

CHẤT ĐỘC DA CAM ĐỐI CỚI CÁI NHÌN CỦA KHOA HỌC NHÂN VĂN

JACQUE MAITRE

Tại sao lại cho các ngành khoa học Nhân văn một vị trí quan trọng trong khuôn khổ Hội nghị? Chính vì chúng rất cần để tổ chức những hành động hữu hiệu hiện nay chống tác hại do chất độc da cam gây ra. Hậu quả của chất rụng lá đối với môi trường yêu cầu phải bố trí lại không gian địa lý, nông học, kinh tế và xã hội, một điều đòi hỏi phải nghiên cứu khoa học tr-ớc. Sự tàn phá của dioxin đối với sức khỏe con ng-ời, và nhất là tác động gây ra tật nguyên bẩm sinh nghiêm trọng, đòi hỏi hệ thống y tế và hệ thống nhà tr-ờng phải thích nghi lại; chúng cũng khiến các biện pháp chăm sóc tâm lý trở nên cấp bách, mà đối với những biện pháp này thì điều cốt yếu vẫn còn phải làm, kể cả ở mức nghiên cứu tr-ớc và thí nghiệm trên thực địa¹.

Chúng ta biết rằng một tai họa lớn do chất rụng lá gây ra còn tiếp diễn trong lĩnh vực sức khỏe. Nh-ng hậu quả khác của chất rụng lá phải đ-ợc nhấn mạnh liên tục; chẳng những nó gây ra tác động độc hại lớn đối với con ng-ời và cây cối vì độc tính cao của dioxin; nó cũng tàn phá lâu dài thảm thực vật của một bộ phận lớn lãnh thổ Việt Nam phía Nam vĩ tuyến 17. Về tổng thể, khi chúng ta dự kiến những hành động có thể thực hiện chống tai họa do chất độc da cam gây ra, chúng ta nhận thấy khoa học nhân văn có thể góp một phần cần thiết trên nhiều mặt trận: chăm sóc ng-ời tật nguyên về y tế và xã hội; giáo dục phổ thông và đào tạo nghề nghiệp, đấu tranh chống sự nghèo khổ cùng cực và xóa bỏ nạn thiếu dinh d-ỡng, phân mà tầng lớp tiểu nông sẽ đ-ợc h-ởng trong sự tăng tr-ờng kinh tế của Việt

Nam và sự hội nhập các tộc ng-ời thiểu số, thậm chí chính sách bố trí lại về nông lâm nghiệp.

Dĩ nhiên tôi để các đồng nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm trình bày công trình của họ, và tôi sẽ chú ý ở đây tới đóng góp của các nhà nghiên cứu n-ớc ngoài. Trừ tr-ờng hợp ngoại lệ, tôi sẽ không kể ra tác giả và phòng thí nghiệm, mà chỉ nêu một vài đề tài cấm mốc đ-ờng đi của khoa học Nhân văn trong một chiến l-ợc chung đấu tranh hòa bình cho nạn nhân chất độc da cam.

Để khởi động những cuộc trao đổi của chúng ta, tôi xin đề cập tới vấn đề theo những quan điểm chuyên môn khác nhau.

Lịch sử, địa lý và sự bố trí không gian

Ta hãy gác lại các công trình đề cập tổng quát đến diễn biến cuộc chiến tranh (của Mỹ) ở Việt Nam. Nh-ng chúng tôi có những công trình sử học liên quan tới chủ định của chúng ta một cách chính xác hơn, đặc biệt về đề tài chiến tranh hóa học và những chiến l-ợc nhằm hủy hoại môi tr-ờng của đối ph-ơng². Những cuộc điều tra có hệ thống đã đ-ợc công bố về các giai đoạn khác nhau dẫn tới việc phá trụi lá cây trong cuộc chiến tranh của Mỹ. Càng dễ nắm đ-ợc tài liệu l-u trữ chính thức của Hoa Kỳ bao nhiêu, công trình nghiên cứu khoa học về việc rải chất rụng lá càng có t- liệu vững vàng bấy nhiêu. Nh- vậy, việc khai thác những tài liệu quân sự không còn là bí mật quốc gia của Mỹ đã cho phép lập bản đồ chi tiết các vùng trúng độc³. Việc đó lại cho phép xác định bằng thống kê mối liên quan giữa

¹ Tôi gác lại những ngành nghiên cứu tâm lý, vì Bernard Doray trình bày một thông báo đặc biệt nói về những ngành này.

² Thí dụ, với bài viết của một nhà nghiên cứu ở INRA (Viện Quốc gia nghiên cứu Nông học, Paris) tên là Frédéric Suffert, L' épidémiologie végétale, nouvelle discipline de guerre? Lumière sur le bioterrorisme agricole. *Le courrier de l' environnement*, No. 47, Octobre 2002..

³ Nhất là với bài viết của Jeanne Mager Stellman và đồng nghiệp, The extent and pattern of usage of agent orange and other herbicides in Vietnam, *Nature*, 422 (ngày 7/4/2003). 681-687.

chất rụng lá với những rối loạn quan sát đ-ợc trong việc truyền sự sống.

Hơn nữa sau chiến tranh, những công trình phân tích từng giai đoạn chú trọng đến sự tổn hại kinh tế do chất rụng lá gây ra sẽ làm sáng tỏ con đ-ờng nhằm đạt tới một sức thúc đẩy mới; thực tế là, vụ kiện của nạn nhân đối với các công ty sản xuất chất độc da cam phải đi liền với việc cải thiện tức khắc số phận họ. Về mặt này, lịch sử kinh tế đã phân tích quá trình làm rõ việc phá rừng sau chiến tranh, sự bành tr-ởng ô ạt cây công nghiệp và những đợt di dân đến cao nguyên. Hiện thời, những đợt biến đó đang gây tổn hại cho số phận các c- dân chịu tác động mạnh nhất của chất độc da cam cùng những chất rụng lá khác. Việc nhìn lại quá khứ này tạo thuận lợi cho sự chuyển h-ớng, nhất là h-ớng về việc phục hồi rừng. Sử học bắt gặp ở đây địa lý học và khoa học chính trị khi vấn đề đặt ra là bố trí không gian và xây dựng một sự phát triển lâu bền. Ta hãy đề cập đến những công trình nghiên cứu đa ngành để khai thác Tây Nguyên về nông nghiệp và rừng; các công trình đó thậm chí mở ra những cách nhìn nhân học về các tộc thiểu số vốn là c- dân trú ngụ lâu đời nhất ở các vùng này. Tuy nhiên, h-ớng về quá trình khai thác kinh tế, những công trình đó không nhấn mạnh ngay hậu quả của chiến tranh hóa học đối với dân bản địa các vùng chịu tác động của chất rụng lá. Việc bố trí lại không gian sau các đợt phá rụng lá bắt gặp ở đây một vấn đề tổng quát hơn tại những vùng mà sự phát triển ô ạt của Việt Nam dẫn đến những chính sách nông lâm nghiệp mới và việc phát triển cây công nghiệp. Quá trình này tạo ra khoảng cách giữa ph-ơng pháp sản xuất truyền thống của c- dân bản địa với những khả năng cần thiết cho thành công của cách sản xuất mới; hậu quả gián tiếp là, những đợt di dân ô ạt làm mất cân đối các tộc ng-ời đã có mặt từ xa x- a. Về đề tài này, ta sẽ thấy một loạt ý kiến phân tích đặc biệt phê phán trong các đóng góp của Ca na da, Pháp và Việt Nam cho một ch- ơng trình hợp tác khoa học tiến hành từ năm 2001 đến 2003; kết quả đã đ-ợc xuất bản d- ới tiêu đề *Nông nghiệp, môi tr-ờng và các xã*

*hội ở cao nguyên Việt Nam*⁴. Giữa những xáo động này, nhiều tộc ng-ời thiểu số chịu tác động nặng nề của chất độc da cam khó tìm đ-ợc chỗ đứng trong số những ng-ời đ-ợc h- ờng lợi của sự phát triển chung. Cà phê chắc chắn là thí dụ đ-ợc nghiên cứu nhiều nhất về cây công nghiệp⁵. Sản l- ợng của Việt Nam đứng hàng thứ 31 trên thế giới năm 1987, đứng hàng thứ 4 năm 1998-1999, bây giờ ở trong số những n- ớc dẫn đầu. Cà phê th- ờng chiếm chỗ của rừng trên cao nguyên, tại những vùng sinh sống của c- dân săn bắt-hái l- ơm và làm n- ơng rẫy. Đa số việc sản xuất này tập trung ở tỉnh Đắk Lắk, mà thực dân Pháp gọi là vùng của “mọi”, chỉ hấp dẫn các nhà dân tộc học. Nói tổng quát hơn, đất đai “ch- a khai thác”, đ-ợc sự hiện đại hóa kinh tế truyền cho sức sống, th- ờng là những nơi bị chất rụng lá làm trần trụi và có các “tộc ng-ời thiểu số” c- trú đông đảo cho đến khi xảy ra cuộc chiến tranh của Mỹ. Chúng ta hiểu tại sao nhân học tham gia nghiên cứu những vấn đề này bên cạnh địa lý học, kinh tế học và khoa học chính trị. Địa lý của việc rải chất rụng lá là chủ đề nhiều công trình khảo sát. Cũng vậy, các công trình nghiên cứu khoanh vùng đã chuẩn bị cho những dự án phát triển (đ-ợc nhà cầm quyền Việt Nam, các tổ chức n- ớc ngoài và/hay các tổ chức phi chính phủ xúc tiến). Địa lý nhân văn tham gia vào đây để nghiên cứu môi tr-ờng và c- dân. Chúng ta thấy ở đây quy mô của huyện đã cho phép các ngành khoa học cùng tham gia nghiên cứu vấn đề chất độc da cam⁶. Tôi thấy một thí dụ rất hay về điều

⁴ Các bài viết đ-ợc Rodolphe De Koninck, Frédéric Durand, Hélène Guétat và Nguyễn Hữu Đức tập hợp. Sách đ-ợc nhà xuất bản Arkuiris xuất bản ở Toulouse, và IRASEC ở Bangkok năm 2005.

⁵ Ta tìm đ-ợc một ý kiến tổng hợp và một th- mục gần đây về thí dụ đó trong cuốn sách của Frédéric Fortunel, *Le café au Vietnam. De la colonisation à l' essor d' un grand producteur mondial*, Paris & Montréal, L' Harmattan, 2000.

⁶ Huyện A L- ới (tỉnh Thừa Thiên-Huế), trên Tây Nguyên, nằm ở phía Nam vĩ tuyến 17 một chút. 76% diện tích huyện có các tộc ng-ời thiểu số c- trú. Đ-ờng mòn Hồ Chí Minh chạy qua huyện. Quân đội Mỹ đã xây dựng ở đây những sân bay lớn trong một thời gian. Hậu quả là, chất rụng lá và na-pam đặc biệt dày đặc ở cả vùng này, thậm chí hủy diệt cả rừng nhiệt đới nguyên sinh.

đó với công trình nghiên cứu đ-ợc Hatfield Consultants Ltd. (Vancouver) tiến hành trên thực địa từ m-ời năm nay ở huyện A Luối, bị chất rụng lá tàn phá khủng khiếp⁷. Đề tài là ảnh hưởng lâu dài của chất độc da cam. Dioxin tiếp tục làm ô nhiễm đất và thực phẩm ở huyện đó, nơi quân đội Mỹ rải đây chất rụng lá xuống vùng xung quanh căn cứ họ trong khu vực A So⁸; các vùng chứa hàm l-ợng dioxin cao nhất chính là địa điểm những căn cứ này. Địa lý nhân văn trực tiếp tìm hiểu nồng độ dioxin trong một số thức ăn (tế bào cá hoặc vịt), trong máu và sữa mẹ. Về t-ơng quan, một cuộc điều tra về dinh d-ỡng của c- dân đã đ-ợc thực hiện ở thung lũng A L-ối, cộng tác với Khoa Y tế và Dịch tế học thuộc tr-ờng Đại học British Columbia (Ca na da). Công trình nghiên cứu địa lý này cũng bao gồm việc chuyển giao công nghệ cho chuyên gia Việt Nam để đào tạo, đánh giá tác động độc hại đối với môi tr-ờng và những hành động nhằm giảm nhẹ tác động đó. Việc phá rừng ở Việt Nam, dù do chất rụng lá hay do hoạt động nông nghiệp, vẫn là chủ đề những công trình nghiên cứu sâu nằm trong tầm nhìn của chúng ta⁹. Chúng tôi đề cập ở đây đến lĩnh vực quy hoạch kinh tế trong khuôn khổ sự phát triển nhanh chóng đang biến đổi đất n-ớc.

Kinh tế học

Trong các công trình phân tích việc khai khẩn những vùng bị chất rụng lá hủy hoại, ta thấy nhiều công trình nghiên cứu kinh tế về sự phát triển cây công nghiệp (cà phê, cao su, chè, hạt tiêu, v.v.) Thí dụ, những công trình nghiên cứu của một cơ sở đại học Pháp, IRD (Viện Nghiên cứu để phát triển của Pháp). □ mức những giá trị gợi ý cho các công trình đó, nỗi lo lắng cho việc phát triển lâu dài, tùy thuộc sự hồi phục tài

⁷ Cuộc điều tra này đã đ-ợc thực hiện với sự cộng tác chặt chẽ của một cơ quan Việt Nam, □y ban 10-88. Hãy xem: Hatfield Consultants & 10-88 Committee, *Preliminary to Spraying of Agent Orange Herbicide during the Vietnam War*, West Vancouver, Hatfield Consultants, 1988, hai tập.

⁸ Tr-ớc kia gọi là A Sầu.

⁹ Thí dụ, ta có thể có một ý niệm qua một bài viết gần đây của Yann Roche & Rodolphe De Koninck, *Les enjeux de la déforestation au Vietnam*.

nguyên thiên nhiên và những đòi hỏi cấp bách của thị tr-ờng, đi liền với việc chú trọng đến c- dân, nhất là ng-ời bản địa, mà trong đó chúng ta lại thấy ở hàng đầu là những tộc ng-ời mà môi tr-ờng bị chất rụng lá hủy hoại. Chúng ta gặp ở đây các vấn đề phá rừng và vấn đề đất đai. Thật vậy, những cuộc di dân, việc chia đất đai và động lực của thị tr-ờng ở nhiều nơi đã để phần lớn dân bản địa bị gạt khỏi sự phát triển kinh tế. Thế mà, chính những c- dân đã c- trú lâu đời trong các vùng rừng phía Nam vĩ tuyến 17 lại phải mang gánh nặng nhất của sự hủy diệt sinh thái và sự nhiễm độc chất dioxin.

Trong các gia đình có trẻ con bị dioxin làm trì trệ sự phát triển, tác động tích tụ của nhân tố nghèo nàn biểu hiện gay gắt:

- Tật nguyên xuất hiện đồng thời ở cả cha mẹ (trực tiếp do chiến tranh) và con cái (do dioxin),
- Mất cân đối giữa khả năng lao động với số miệng phải nuôi,
- Phí tổn y tế,
- Khó thoát khỏi chế độ tự cung tự cấp để trông cậy vào chế độ làm kinh tế vi mô của ng-ời Việt.

Về những điểm này, tôi xin nhắc lại công trình của Julie Yoder, *Training and Employment of People with Disabilities: Vietnam 2002*¹⁰ (Đào tạo và tuyển dụng ng-ời tàn tật: Việt Nam 2002); nữ tác giả này chỉ nhân tiện đề cập tới những tật nguyên do dioxin, nh-ng các quá trình bà phân tích về ng-ời tật nguyên nói chung lại thể hiện đặc biệt nặng nề trong các gia đình nạn nhân dioxin.

Nghiên cứu kinh tế vi mô cũng chú trọng đến các gia đình bị tác động của dioxin. Một cuộc điều tra đặc biệt phong phú t- liệu đã đ-ợc tiến hành năm 2001 và đ-ợc một nhà nghiên cứu □c, Michael Palmer, công bố¹¹; tác giả chỉ ra rằng

¹⁰ Bangkok, International Labour Organization, 2004 (Ability Country Studies Series).

¹¹ The legacy of agent orange: empirical evidence from central Vietnam, *Social science & medicine*, 60 (2005), 1061-1070. Công trình nghiên cứu này đã đ-ợc tiến hành cộng tác với tr-ờng Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. Mẫu là 30 gia đình bị nhiễm dioxin và 30 gia đình không bị nhiễm, c- trú tại tỉnh Quảng Trị.

mức trợ giúp nạn nhân còn thấp hơn rất nhiều so với một khoản đền bù thích đáng, nh- ng ông cho rằng tăng số tiền trợ giúp lên nhiều sẽ làm xáo lộn sự cố kết xã hội ở một n- ớc mà một phần lớn dân chúng chịu hậu quả của chiến tranh và 90% dân nông thôn là nghèo khổ. Mặt khác, ông khuyên nên hỗ trợ nạn nhân không phải bằng tiền mà bằng cách miễn phí tổn y tế cho họ.

Ta hãy bắt đầu bằng việc phân biệt giữa các công trình nghiên cứu nhằm bố trí lại các vùng có động vật và thực vật bị tác động của chất rụng lá với những công trình nghiên cứu trực tiếp tác động độc hại của dioxin đối với sức khỏe con ng- ời. Việc tuyển quân trên cả n- ớc và những đợt di dân sau chiến tranh cho thấy có ng- ời nhiễm độc dioxin ở khắp Việt Nam. □ lĩnh vực này, hai phần của nghiên cứu kinh tế phải đ- ọc chú trọng: ở mức kinh tế vĩ mô, các khoản đầu t- và chi tiêu hiện thời cho việc chăm sóc nạn nhân (tiền trợ cấp, trung tâm chăm sóc hay trung tâm giáo dục chuyên môn, khả năng tài chính để có thể sử dụng hệ thống y tế...); ở mức kinh tế vi mô, sức nặng của những tật nguyên có thể do dioxin gây ra và ngân sách gia đình, với triển vọng về khả năng có những khoản giúp đỡ cho gia đình (cho vay, đào tạo, cung cấp dụng cụ nh- một chiếc máy khâu...). Hành động đ- ọc chính quyền địa ph- ơng, các tổ chức n- ớc ngoài, các tổ chức phi chính phủ hay các hội tiến hành, nh- ng cần có cuộc điều tra kinh tế có hệ thống hơn để đặt ra những chính sách cần thiết.

Trong các công trình nghiên cứu y tế về dioxin, t- ơng quan về thống kê đ- ọc xác lập tr- ớc hết giữa việc khoanh vùng những cuộc rải chất rụng lá với việc khoanh vùng một vài bệnh lý; ở mỗi tr- ờng hợp, ng- ời ta tham khảo việc nhiễm dioxin ở một ng- ời nào đó, để nghiên cứu các rối loạn ảnh h- ưởng đến chính ng- ời đó cũng nh- để tìm ra những tác động sinh quái thai mà trẻ em hứng chịu¹².

¹² Về việc phân tích phê phán vấn đề, xin xem: John D. Constable: The early years of Vietnamese and American Agent Orange Health Research: 1965 to 1983, Harvard Medical School, Massachusetts General Hospital, tháng 2/2005..

Sự phức tạp của những ph- ơng pháp có thể đ- ọc chấp nhận về mặt kỹ thuật, ở cuộc thảo luận trong cộng đồng khoa học quốc tế, đòi hỏi rất cao: thông th- ờng, chúng tôi không thể coi những lý lẽ dựa trên những thông tin thu l- ợm đ- ọc trong khuôn khổ hoạt động nhân đạo là có thể chứng minh chặt chẽ, để quy rối loạn cá nhân cho dioxin cũng nh- cho các quá trình đ- ọc xem là có liên quan (di truyền, dinh d- ỡng...)¹³. Thế nào cũng phải có sự cộng tác giữa khoa học xã hội với y học.

Một điểm chủ yếu là hiện nay không thể phân biệt các rối loạn do tác động (rất nhiều hình thái) của dioxin với những bệnh lý khác của sự phát triển. Để hành động, nhất thiết phải mở rộng phạm vi điều tra với những ch- ơng trình xem xét toàn bộ các tật nguyên bẩm sinh, thí dụ để tăng thêm con số các cơ quan chăm sóc hoặc đào tạo chuyên môn¹⁴. Vì ph- ơng tiện y tế hiện có, để chẩn đoán cũng nh- để điều trị, ít thích hợp với rối loạn do dioxin, nên điều hợp lý là đặt việc chăm sóc trẻ em bị nạn vào bối cảnh tổng quát hơn của các chính sách và những sáng kiến của xã hội dân sự có lợi cho trẻ em và ng- ời lớn tàn tật. Trong tất cả các vấn đề này, việc sử dụng các ngành khoa học xã hội sẽ giúp ích đ- ọc nhiều. Thí dụ, đối với cơ chế đ- ọc đặt ra vì lợi ích những ng- ời chịu tác động của tật nguyên bẩm sinh, thì việc so sánh giữa Việt Nam và một n- ớc công nghiệp hóa nào đó phải cung cấp một cách nhận định nhằm đề ra biện pháp thích đáng có thể ứng dụng tùy theo sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

Về tình trạng thật sự của ng- ời tật nguyên, một số công trình nghiên cứu toàn bộ đã cung cấp cho chúng ta những chỉ dẫn rất có ý nghĩa. Thí dụ, một công trình nghiên cứu do Thomas T.

¹³ Ta sẽ thấy một đoạn tổng hợp tình trạng hiện thời những hiểu biết của chúng tôi trong cuốn sách trắng chuẩn bị cho Hội nghị Paris (tháng 3/2005): Yvonne Capdeville, Francis Gendreau và Jean Meynard, *L' agent orange au Vietnam. Crime d' hier, tragédie d' aujourd' hui*, Paris, Editions Tirésias, 2005.

¹⁴ Thí dụ, ta mong muốn có những chuyên khảo so sánh giữa các cơ quan Việt Nam với những cơ quan Pháp t- ơng tự chuyên về xử lý một loại tật nguyên nào đó (vận động, tâm thần, v.v.)

Kane¹⁵ thực hiện đã tập hợp một số lớn dữ liệu dịch tễ học, hành chính, xã hội và y tế về người tàn tật. Tác giả đã đưa ra những khuyến nghị chi tiết. Lúc đó, một sắc lệnh của Chính phủ về người tàn tật quy định một chính sách chặt chẽ có lợi cho họ. *Nh- ng tờ báo Le Courrier du Vietnam* (số 10 tháng 1/2006) tóm tắt một tuyên bố gần đây của Thủ tướng về kết quả đạt được như sau:

Bảy năm sau khi sắc lệnh về người tàn tật được công bố, các quy định pháp lý đối với năm triệu con người đã có đủ, *nh- ng không được áp dụng trong thực tế*. Tỷ lệ học sinh tật nguyền trong các trường còn thấp. Những người này còn gặp nhiều khó khăn trong việc sử dụng dịch vụ công cộng.

Nhân học, xã hội học và dân số học

Từ lâu đã có những cơ quan khoa học Việt Nam nghiên cứu các tộc thiểu số, tôn giáo dân gian, thuốc cổ truyền... *Nh- ng trong các huyện chịu tác động nhiều nhất của chất độc da cam, sức ép tai hại đối với sức khỏe và môi trường đã phá vỡ các hệ sinh thái mà ở đó các tộc thiểu số đã tạo ra những lối sống từ xa xưa thích hợp với rừng nhiệt đới*. Sau đây là dân chúng ô nhiễm bỏ quê hương ra đi; những thay đổi triệt để trong hoạt động kinh tế; truyền thống văn hóa bị phá vỡ tàn bạo; một tai biến trong sự liên kết các thế hệ; một mật độ rất cao những tật nguyền nặng trong người lớn và con cái họ. Chúng ta rất cần các công trình nhân học nghiên cứu tình hình hiện thời của những dân đó. Ngay ở bình diện văn hóa, chúng ta biết gì về những biểu hiện và thực tiễn liên quan đến dioxin? Những đột biến của huyền thoại do sự phá hủy rừng nhiệt đới? Vị trí của tập quán trong cách thức các gia đình gánh chịu một nỗi bất hạnh đã dồn họ đến nghèo khổ?

Những công trình nghiên cứu dân tộc học trên thực địa chú trọng đến vấn đề này sẽ đặc biệt có ích ở cao nguyên phía nam vĩ tuyến 17. Dù sao, đối với cả nước, một chính sách đào tạo dân chúng sử dụng phương tiện khoa học trong việc

chăm sóc y tế cho mỗi nạn nhân sẽ được làm sáng tỏ bằng cách phân tích sự tồn tại hiện thời của truyền thống liên quan tới bệnh tật. Các cơ chế hỗ trợ tâm lý sẽ được chú trọng trước tiên như thế.

□ quy mô Việt Nam nói chung, những cuộc đàm thoại trong gia đình của các tổ chức nhân đạo hay khoa học làm nổi rõ tác động làm gia tăng tật nguyền về mặt y tế và xã hội. Trường học, người cha hay người mẹ không phải chỉ nhiễm độc dioxin; sốt rét, thương tật, và các chấn thương tâm lý cũng làm giảm khả năng lao động và góp phần vào sự nghèo khổ về kinh tế. Kết hợp trong một vài vùng với sự tàn phá môi trường của chất rụng lá, tình huống này trường học dẫn đến sự thiếu dinh dưỡng trầm trọng của trẻ em.

Luật học và chính trị học

□ quy mô quốc tế, vấn đề quyền được bồi thường vẫn chưa được giải quyết, đối với đất nước cũng như với mỗi người bị tác động của dioxin; vụ kiện Brooklyn tạo cho vấn đề một tính thời sự pháp lý, ít nhất đối với nạn nhân. Về phía nạn nhân, vấn đề quyền phải được xem xét trong nhiều lĩnh vực: việc chăm sóc, trợ cấp tàn tật, cơ chế giáo dục phù hợp, trợ cấp gia đình... Nghiên cứu về luật quốc tế trở nên quyết định cho mọi hành động nhằm đạt được tiền bồi thường từ chính phủ Mỹ, hoặc từ những công ty đã sản xuất chất rụng lá chứa dioxin. Trách nhiệm pháp lý về sự tàn phá của dioxin đã xuất hiện cách đây hai mươi hay ba mươi năm trong những tai nạn công nghiệp, tuy ở một quy mô nhỏ hơn, với những tai nạn như ở Sesevo (1976) và Bhopal (1986). Tất cả các yếu tố này kéo theo những giám định pháp lý, những luận chứng và những lối xét xử để ra việc nghiên cứu pháp lý; chúng lên tới đỉnh điểm với trường hợp hủy hoại nhất, trường hợp những thiệt hại do chất rụng lá gây cho Việt Nam. Một phụ nữ Pháp, bà Monique Chemillier-Gendreau, giáo sư luật quốc tế, nghiên cứu rất sát vụ kiện của các nạn nhân Việt Nam đối với các công ty sản xuất chất rụng lá.

¹⁵ *Disability in Vietnam in 1999: a meta-analysis of the data*, Washington, The Displaced Children and Orphans Fund & War Victim Fund, 1999.

Trong các khoa học chính trị, một điều có ích nhất cho việc nghiên cứu chất độc da cam là phân tích các chính sách có lợi cho ng-ời tàn tật. Thực vậy, các hành động có lợi nạn nhân chất độc da cam th-ờng cũng là những hành động đáp ứng nhu cầu những ng-ời tàn tật khác. Thí dụ, một công trình Nhật Bản nghiên cứu chính sách của Việt Nam về vấn đề ng-ời khuyết tật¹⁶ đã đối chiếu các điều luật với dữ liệu thống kê. Một phần năm những ng-ời khuyết tật nặng có thể quy cho chiến tranh. Chất độc da cam đ-ợc đề cập tới nh- nguyên nhân của sự gia tăng số ng-ời tàn tật (số liệu thống kê 1994-1995), do những rối loạn sinh sản và cũng do sự tồn d- dioxin trong một vài môi tr-ờng. Cùng thời gian ấy, phần lớn ng-ời tật nguyên không có khả năng sử dụng những dịch vụ mà họ cần, vì không có tiền trả. Chúng ta đọc thấy:

Hiện nay, 1,3 triệu ng-ời tàn phế nặng nhận đ-ợc trợ cấp và sự giúp đỡ, trong khi phần lớn ng-ời mất khả năng loại vừa hoặc nhẹ đã t-ong đối bị lãng quên. Trong một vài miền, đặc biệt là nông thôn và miền núi, ng-ời mất khả năng vẫn bị gạt ra ngoài ch-ong trình cứu trợ xã hội chính thức của Nhà n-ớc hay chỉ nhận đ-ợc sự giúp đỡ rất nhỏ (trang 9).

Tiếp theo là một bảng kê những nhân tố gây ra những khó khăn này và những chỉ dẫn về các cơ chế hiện nay hữu hiệu nhất: việc đ-a vào tr-ờng học mọi trẻ em, các tổ chức “tự lực”, những ng-ời cung cấp dịch vụ, sự hợp tác khu vực và quốc tế.

Chính sách có lợi cho việc đào tạo nghề nghiệp và tuyển dụng ng-ời tàn tật là một chìa khóa chủ yếu ở đây; thí dụ, ở trên tôi đã dựa vào các công trình của Julie Yoder. Cũng vậy, việc phân tích chính sách đấu tranh chống sự nghèo nàn cùng cực đã bắt gặp vấn đề gia đình có con

cái tàn tật do dioxin. Một thông cáo gần đây của VAVA (ngày 10/1/2006) nói rằng:

Trong số những ng-ời thua thiệt nhất ở mức quốc gia nạn nhân chất độc da cam chiếm một tỷ lệ lớn. Khoảng 30% các gia đình có nạn nhân thuộc diện nghèo nàn, và 40% thiếu dinh d-ỡng nghiêm trọng. Tình trạng sức khỏe của 30% số ng-ời ốm đã kém tr-ớc. Một phần ba trẻ em không đ-ợc đi học.

Cuối cùng, ở trên tôi đã nói đến chính sách đấu tranh chống thiếu dinh d-ỡng, tham gia vào đó có những tổ chức quốc tế cũng nh- tổ chức phi chính phủ.

Kết luận

Các nhà nghiên cứu n-ớc ngoài có thể nêu một quan điểm soi sáng vì có tính so sánh. Hơn nữa, nghiên cứu có đề cập đến những nét riêng trong văn hóa của một n-ớc nào đó, và những nét này tạo thuận lợi cho việc sử dụng một số ngành khoa học có thể cho tới nay vẫn kém phát triển ở Việt Nam; những công trình châu Âu về chính sách là một thí dụ tiêu biểu của điều đó. Sau hết, hợp tác xuyên văn hóa có khả năng góp phần mở rộng chiến l-ợc nghiên cứu bằng việc chuyển giao kỹ năng qua đào tạo, thậm chí bằng hợp tác giữa các phòng thí nghiệm Việt Nam và n-ớc ngoài.

Chúng ta có chung niềm say mê thúc đẩy kiến thức khoa học. Nh-ng vấn đề tập hợp chúng ta trong Hội nghị này – tai họa lớn, còn tồn tại, do chất độc da cam gây ra - động viên chúng ta quanh một mục đích còn cơ bản hơn bản thân việc nghiên cứu; đó là giúp đỡ tối đa các gia đình và nạn nhân bất hạnh; với t- cách ng-ời nghiên cứu, ph-ong tiện chúng ta có là sử dụng tất cả các ngành khoa học có thể khiến sự giúp đỡ này có hiệu quả hơn. Bốn phận chúng ta là đóng góp vào đây bằng cách phân tích tình thế hiện nay, với cái nền lịch sử của nó, và bằng cách thảo ra ch-ong trình hành động, để nạn nhân chất độc da cam h-ởng lợi ở sự phát triển nhanh chóng của xã hội Việt Nam. Chúng tôi hy vọng Hội nghị này sẽ góp phần vào đấy.

¹⁶ *Country Profile on Disability. Socialist Republic of Vietnam*, s.l., Japnn International Cooperation Agency, Planning and Evaluation Department, 2002. Báo cáo này chủ yếu dựa trên một báo cáo do một công ty t- vấn Việt Nam lập nên, Nhat Viet Co, Ltd, *Basic Survey on the sector to Support People with Disabilities in Vietnam*, s.l., 2001.